TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12- 2023
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình – Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Toàn.

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 563/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Hồng P, sinh năm 1996; có mặt.

Địa chỉ: Số 361/7, đường tỉnh lộ 943, tổ 23, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Quốc T, sinh năm 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 136^{A}/7, đường P, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Cuối năm 2017, bà với ông Trần Văn Quốc T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 26/8/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 03/10/2018. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc nên bà đã gửi đơn ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, qua sự động viên của Tòa án, bà đã rút đơn kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình nhằm tạo cơ hội cho ông T sửa chữa, khắc phục khuyết điểm để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình

nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung; vì vậy, bà và ông T đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Do tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trầm.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18/10/2023 và quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn là ông Trần Văn Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào cuối năm 2017, ông với bà P tự nguyện yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 26/8/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh A vào ngày 03/10/2018. Sau khi kết hôn, mặc dù cuộc sống vợ chồng giữa ông với bà P có xảy ra mâu thuẫn; nhưng những mâu thuẫn này là nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, bà P có phát sinh tình cảm với người khác, nhưng ông đều tha thứ và bỏ qua. Qua yêu cầu ly hôn của bà P thì ông vẫn không đồng ý do ông vẫn còn thương bà P.

Về con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết; yêu cầu được ly hôn với ông Trầm. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Quốc T nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn trong vụ án là ông Trần Văn Quốc T có nơi cư trú tại số 136^{A}/7, đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An G.

Bị đơn ông Trần Văn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Trầm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trầm là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P trình bày, cuối năm 2017, bà với ông T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 26/8/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh A vào ngày 03/10/2018. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc nên bà đã gửi đơn kiện ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Sau khi thụ lý vụ án, qua sự động viên của Tòa án, bà đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho ông T cơ hội để sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình; tuy nhiên, do ông bà vẫn không tìm được tiếng nói chung nên bà và ông T đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Chứng minh cho lời trình bày, bà P có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số 162, ngày 03/10/2018 của UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Ngọc Hồng P và ông Trần Văn Quốc T; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 66/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và các tài liệu, chứng cứ khác. Như vậy, bà P đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS.

Bị đơn là ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P với lý do những mâu thuẫn mà bà P nêu ra là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày mà vợ chồng nào cũng có xảy ra. Tuy nhiên, ông T cho rằng do bà P có phát sinh tình cảm với người khác nhưng do còn thương vợ nên ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phụng.

HĐXX xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp; được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống; không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau là có thật; cho thấy ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng dành cho nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của bà P tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà P với ông T đã không còn tồn tại; ông bà không còn chung sống và đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Đồng thời, giữa bà P với ông T cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dành cho nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Về phía bà P, mặc dù

đã được Tòa án tạo điều kiện hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T. Về phía ông T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm giữa ông với bà P nhưng ông T không đưa ra được những giải pháp để hàn gắn tình cảm gia đình với bà P.

HĐXX xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của vợ hoặc chồng, cả bà Phụng và ông Trầm đều đã vi phạm nghiêm trọng Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa của vợ chồng dành cho nhau. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà P với ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trước đây bà P đã khởi kiện xin ly hôn với ông T tại Tòa án; tuy nhiên, do tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình nên bà P đã rút đơn khởi kiện, được Tòa án nhân dân thành phố L ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, số 66/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11/10/2022. Do đó, nếu HĐXX tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân giữa bà P với ông T cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông Trầm là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Bà P xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu gì; vì vậy HĐXX cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà P vẫn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002249, ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc Hồng P được ly hôn với ông Trần Văn Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Hồng P phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Phụng đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002249, ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Trần Văn Quốc T không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu